TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Án số: 08 /2019/HNGĐ- ST
Ngày: 22/5/2019.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên
Bà Nguyễn Thị Tin
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 71/2019/TLST- HNGĐ ngày 06/3/2019 về " *Tranh chấp HN&GĐ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ph, sinh năm 1995 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Cư trú tại: thôn B, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng;

***Bị đơn*:** Anh Đoàn Đình M, sinh năm 1982 (Có mặt)
Cư trú tại: phố T, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/02/2019 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Phạm Thị Ph trình bày: Chị và anh M kết hôn ngày 03 tháng 6 năm 2014, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M nghiện ma túy dạng tiêm chích, không có trách nhiệm với vợ, con, thường xuyên lấy tiền của vợ đi chơi bời. Nhiều lần chị khuyên bảo, anh M không sửa chữa, mà còn đánh chị. Đầu năm 2017, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình không dàn xếp. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Đình Bảo A, sinh 08/11/2014, hiện đang ở với anh M.

Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết để anh M nuôi con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị Ph xác định không có, nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đoàn Đình M là bị đơn trình bày: Về thủ tục kết hôn, anh đồng ý với trình bày của chị Ph. Ngoài ra anh trình bày thêm, năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh ham chơi. Tuy nhiên, anh vẫn quan tâm đến vợ, con, do vậy vợ chồng không xảy ra đánh, cãi nhau. Anh như vậy, chị Ph không khuyên bảo, mà tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2016 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ph xin ly hôn, anh đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Đình Bảo A, sinh 08/11/2014, hiện đang ở với anh. Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi con chung, anh không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh xác định không có nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS, Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Quan hệ vợ chồng: chị Phạm Thị Ph được ly hôn anh Đoàn Đình M.
- Anh M được nuôi con chung Đoàn Đình Bảo A, sinh 08/11/2014, chị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về lệ phí, án phí tòa án buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng***:** Chị Nguyễn Phạm Thị Ph là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa. Chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, khoản 1

Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Ph và anh Đoàn Đình M kết hôn ngày 03/6/2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2016 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M ham chơi không quan tâm đến vợ, con. Chị Ph nhiều lần khuyên bảo, anh M không sửa chữa mà còn đánh chị Ph. Vợ chồng mâu thuẫn, đầu năm 2017, chị Ph bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình không dàn xếp.

Kết quả xác minh ở địa phương nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh M nghiện ma túy nhiều năm nay, không chịu làm ăn, không có nghề nghiệp ổn định. Nhiều lần anh M lấy tiền của chị Ph đi chơi bời, từ đó vợ chồng xảy ra xô sát.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị Ph và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Ph và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 Đoàn Đình Bảo A, sinh 08/11/2014, hiện đang ở với anh M. Nay anh M đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con chung, chị Ph đồng ý. Áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác chị Ph, anh M xác định không có, nay không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Ph phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Ph được ly hôn anh Đoàn Đình M.

2. *Về con chung***:** Giao cho anh Đoàn Đình M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Đình Bảo A, sinh 08/11/2014.

Anh M không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Phương có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị Phạm Thị Ph phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0002743 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị Ph đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án./

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã Q.

Bùi Thị Hương